PHỤ LỤC 1

Danh mục tài sản bán đấu giá tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính tịch thu theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 00000026/QĐ-XPHC

(Kèm theo Thông báo số 59 /TB-TTTN ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước)

STT	Tài sản/ chủng loại	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Nguồn gốc, xuất xứ	Chủng loại	Tình trạng hàng hóa
1	Đường cát (đường tinh luyện)	Kg	5.700	13.000	74.100.000	Xuất xứ Thái Lan (PRODUCT OF THAILAND)	Nhãn hiệu TSM, ngày sản xuất 01/06/2025, hạn sử dụng 01/16/2027	Chưa qua sử dụng, không có hóa đơn chứng từ
Tổng cộng			**5.700**		**74.100.000**			
(Bằng chữ: Bảy mươi tư triệu một trăm nghìn đồng chẵn)								

PHỤ LỤC 2

Danh mục tài sản bán đấu giá tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính tịch thu theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 00000027/QĐ-XPHC

(Kèm theo Thông báo số 59 /TB-TTTN ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước)

STT	Tài sản/ chủng loại	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Nguồn gốc, xuất xứ	Chủng loại	Tình trạng hàng hóa
1	Đường cát trắng	Kg	2.916	13.000	37.908.000	Không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Không rõ. Ngày sản xuất: tháng 9/2025, hạn sử dụng: tháng 9/2027	Chưa qua sử dụng
2	Đường cát (đường tinh luyện)	Kg	6.100	13.000	79.300.000	Thái Lan (PRODUCT	Nhãn hiệu MITR PHOL, ngày sản xuất 01/4/2025, hạn sử dụng 01/4/2027	Chưa qua sử dụng
Tổng cộng			**9.016**		**117.208.000**			
(Bằng chữ: Một trăm mười bảy triệu hai trăm linh tám nghìn đồng chẵn)								

PHỤ LỤC 3

Danh mục tài sản bán đấu giá tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính tịch thu theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 00010001/QĐ-XPHC

(Kèm theo Thông báo số 59 /TB-TTTN ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước)

STT	Tài sản/ chủng loại	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Nguồn gốc, xuất xứ	Chủng loại	Tình trạng hàng hóa
1	Đường cát (đường tinh luyện)	Kg	200	13.000	2.600.000	Xuất xứ Thái Lan	Nhãn hiệu MITR PHOL	Chưa qua sử dụng, không có hóa đơn chứng từ
2	Đường cát (đường tinh luyện)	Kg	50	13.000	650.000	Xuất xứ Thái Lan	Nhãn hiệu TUSM	Chưa qua sử dụng, không có hóa đơn chứng từ
Tổng cộng			**250**		**3.250.000**			
(Bằng chữ: Ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng chẵn)								

PHỤ LỤC 4

Danh mục tài sản bán đấu giá tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính tịch thu theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 00010009/QĐ-XPHC

(Kèm theo Thông báo số 59 /TB-TTTN ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước)

STT	Tài sản/ chủng loại	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Nguồn gốc, xuất xứ	Chủng loại	Tình trạng hàng hóa
1	Vải cuộn là dạng thun, vải dệt kim, vải dệt các loại	Kg	105.260	10.200	1.073.652.000	Không rõ nguồn gốc xuất xứ	Chủng loại, màu sắc, kích thước không đồng nhất, khổ từ 1,2m đến 1,6m	Chưa qua sử dụng, không rõ chất lượng
Tổng cộng			**105.260**		**1.073.652.000**			
(Bằng chữ: Một tỷ không trăm bảy mươi ba triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn đồng chẵn)								

PHỤ LỤC 5

Danh mục tài sản bán đấu giá tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính tịch thu theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 00000015/QĐ-XPHC

(Kèm theo Thông báo số 59 /TB-TTTN ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước)

STT	Tài sản/ chủng loại	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Nguồn gốc, xuất xứ	Chủng loại	Tình trạng hàng hóa
1	Nồi giữ nhiệt 61	Chiếc	11	380.000	4.180.000	Không rõ nguồn gốc xuất xứ	Không rõ	Chưa qua sử dụng, không rõ chất lượng
2	Quạt sàn tích điện GDTYENJON 14 inch	Chiếc	6	250.000	1.500.000			
3	Máy đánh trứng nhào bột Bear B03V1	Chiếc	13	280.000	3.640.000			
4	Hộp 5 thìa phở sz 20cm Myresto	Hộp	14	50.000	700.000			
5	Hộp 5 dĩa sz 21cm Myresto	Hộp	18	50.000	900.000			
6	Hộp 5 thìa bánh café 14cm Myresto	Hộp	13	50.000	650.000			
7	Dĩa trái cây 15cm Golden Crown	Chiếc	30	10.000	300.000			
8	Thìa trái cây 15cm Golden Crown	Chiếc	16	10.000	160.000			
9	Hộp 5 dĩa sz 14cm Myresto	Hộp	11	50.000	550.000			

10	Chảo sắt phủ chống dính VT30-2	Hộp	4	100.000	400.000			
11	Chảo xào Bossd sz 20cm	Chiếc	4	100.000	400.000			
12	Chảo xào Bossd sz 24cm	Chiếc	2	110.000	220.000			
13	Giá đỡ máy tính	Chiếc	15	40.000	600.000			
14	Bàn phím máy tính MWXKT01	Chiếc	12	100.000	1.200.000			
15	Đèn đọc sách chống cận	Chiếc	7	70.000	490.000			
Tổng cộng			**176**		**15.890.000**			
(Bằng chữ: Mười năm triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng chẵn)								

PHỤ LỤC 6

Danh mục tài sản bán đấu giá tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính tịch thu theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 00000019/QĐ-XPHC

(Kèm theo Thông báo số 59 /TB-TTTN ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước)

STT	Tài sản/ chủng loại	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Nguồn gốc, xuất xứ	Chủng loại	Tình trạng hàng hóa
1	Chỉ khâu làm từ sợi (chỉ Polyester loại 20kg/bao x72 bao)	kg	1.440	25.000	36.000.000	Không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Không rõ	Chưa qua sử dụng
2	Chỉ khâu làm từ sợi chỉ co giãn đen loại 20kg/bao x 18 bao	kg	360	25.000	9.000.000			
3	Chỉ khâu làm từ sợi chỉ co giãn trắng 21kg/bao x 10 bao	kg	210	25.000	5.250.000			
4	Máy dệt	Cái	01	7.000.000	7.000.000	Không rõ	FS MDC350A (MW050001)	Đã qua sử dụng
5	Máy dệt	Cái	01	7.000.000	7.000.000	Không rõ	WEIHUAN 78189310N	Đã qua sử dụng
6	Máy dệt	Cái	01	7.000.000	7.000.000	Không rõ	WEIHUAN 78189310N	Đã qua sử dụng

7	Máy định hình	Cái	02	1.500.000	3.000.000	Không rõ	Máy sấy là, định hình tất	Đã qua sử dụng
8	Máy dập nhãn	Cái	02	7.000.000	14.000.000	Không rõ	Máy dập mác Juki (mã MB-373NS và MB 1377)	Đã qua sử dụng
9	Máy khứu đầu tất	Cái	03	5.000.000	15.000.000	Không rõ	Máy khứu đầu tất (Mã: ZFHUITENG 2020-2 (HT299), ZFHUITENG 2020-2 (HT297), ZFHUITENG 2020 -2 (15C28A)	Đã qua sử dụng
Tổng cộng			**110**		**103.250.000**			
(Bằng chữ: Một trăm linh ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng chẵn)								

PHỤ LỤC 7

Danh mục tài sản bán đấu giá tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính tịch thu theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 69000112/QĐ-XPHC

(Kèm theo Thông báo số 59 /TB-TTTN ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước)

STT	Tài sản/ chủng loại	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Pát heo dầu thắng	Cái	304	40.000	12.160.000
2	Pát heo dầu thắng sau nguyên khối	Cái	28	40.000	1.120.000
3	Gù chống rung tay lái xe máy bằng kim loại	Cặp	140	25.000	3.500.000
4	Ốp chống rung phuộc trước xe máy	Cái	300	5.000	1.500.000
5	Đèn led đuôi xe máy nhãn hiệu TST	Cái	70	40.000	2.800.000
6	Dây ga xe máy	Dây	80	7.000	560.000
7	Van vòi bánh xe máy	Cái	106	10.000	1.060.000
8	Baga giữa của xe máy	Cái	93	25.000	2.325.000
9	Dây dẫn dầu thắng	Dây	1.140	30.000	34.200.000
10	Bộ Ốc kiểu xe máy	Bộ	14	100.000	1.400.000
11	Bộ Pat để gắn ốp nhựa xe máy	Bộ	15	40.000	600.000

12	Chạng 3 xe máy	Cái	15	90.000	1.350.000
13	Phuộc xe máy	Bộ	15	1.000.000	15.000.000
	Cộng		**2.320**		**77.575.000**
(Bằng chữ: Bảy mươi bảy triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng chẵn)					

PHỤ LỤC 8

Danh mục tài sản bán đấu giá tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính tịch thu theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 00000029/QĐ-XPHC

(Kèm theo Thông báo số 59 /TB-TTTN ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước)

STT	Tài sản/ chủng loại	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Nguồn gốc, xuất xứ	Chủng loại	Tình trạng hàng hóa
1	Cục lạnh máy lạnh	Cái	1	2.500.000	2.500.000	Made in China	Cục lạnh nhãn hiệu FUJITSU AS-C56 K2W. Năm sản xuất 2013. Made in China	Đã qua sử dụng
2	Cục nóng máy lạnh	Cái	1	3.050.000	3.050.000		Cục nóng nhãn hiệu FUJITSU AO-C56K2. Năm sản xuất 2013. Made in China	
3	Cục lạnh máy lạnh	Cái	1	2.550.000	2.550.000		Cục lạnh nhãn hiệu HITACHI RAS-AJ25L. Năm sản xuất 2021. Made in China	
4	Cục nóng máy lạnh	Cái	1	3.050.000	3.050.000		Cục nóng: nhãn hiệu HITACHI RAC-AJ25L. Năm sản xuất 2021. Made in China	
5	Cục lạnh máy lạnh	Cái	1	2.550.000	2.550.000	Made in China	Cục lạnh nhãn hiệu DAIKIN F223ATES-WCO30510. Năm sản xuất 2023. Made in China	Đã qua sử dụng
6	Cục nóng máy lạnh	Cái	1	3.050.000	3.050.000		Cục nóng: nhãn hiệu DAIKIN C004585. Năm sản xuất 2023. Made in China	
7	Cục lạnh máy lạnh	Cái	1	2.500.000	2.500.000		Cục lạnh nhãn hiệu DAIKIN F28YTES-W. Năm sản xuất	

							2021. Made in China	
8	Cục nóng máy lạnh	Cái	1	3.050.000	3.050.000		Cục nóng: nhãn hiệu DAIKIN R28YES.Năm sản xuất 2021. Made in China	
9	Cục lạnh máy lạnh	Cái	1	2.500.000	2.500.000		Cục lạnh nhãn hiệu DAIKIN F222TES-W.Năm sản xuất 2022. Made in China	
10	Cục nóng máy lạnh	Cái	1	3.050.000	3.050.000	Made in China	Cục nóng nhãn hiệu DAIKIN AR223AES. Năm sản xuất 2022. Made in China	
11	Cục lạnh máy lạnh	Cái	1	2.500.000	2.500.000		Cục lạnh nhãn hiệu DAIKIN AJT28YNS-W.Năm sản xuất 2021. Made in China	
12	Cục nóng máy lạnh	Cái	1	3.050.000	3.050.000		Cục nóng nhãn hiệu DAIKIN R22ZES. Năm sản xuất 2021. Made in China	
13	Cục lạnh máy lạnh	Cái	1	2.500.000	2.500.000		Cục lạnh nhãn hiệu DAIKIN AN223AES-W. Năm sản xuất 2023. Made in China	
14	Cục nóng máy lạnh	Cái	1	3.050.000	3.050.000		Cục nóng nhãn hiệu DAIKIN R223AES. Năm sản xuất 2023. Made in China	
15	Cục lạnh máy lạnh	Cái	1	2.500.000	2.500.000		Cục lạnh nhãn hiệu DAIKIN AN56WSP-F. Năm sản xuất 2018. Made in China	

16	Cục nóng máy lạnh	Cái	1	3.050.000	3.050.000		Cục nóng nhãn hiệu DAIKIN AR56WSP.Năm sản xuất 2018. Made in China	
17	Cục lạnh máy lạnh	Cái	1	2.500.000	2.500.000		Cục lạnh nhãn hiệu DAIKIN AN25YES-W. Năm sản xuất 2021. Made in China	
18	Cục nóng máy lạnh	Cái	1	3.050.000	3.050.000		Cục nóng nhãn hiệu DAIKIN AR25YES.Năm sản xuất 2021. Made in China	
19	Cục lạnh máy lạnh	Cái	1	2.500.000	2.500.000	Made in China	Cục lạnh nhãn hiệu DAIKIN AJT28WNS-W. Năm sản xuất 2019. Made in China	Đã qua sử dụng
20	Cục nóng máy lạnh	Cái	1	3.050.000	3.050.000		Cục nóng nhãn hiệu DAIKIN AJR28WNS. Năm sản xuất 2019. Made in China	
21	Máy giặt	Cái	41	7.600.000	311.600.000		Không nhãn hiệu, không rõ nguồn gốc xuất xứ	
22	Máy giặt	Cái	6	2.800.000	16.800.000		Không nhãn hiệu, không rõ nguồn gốc xuất xứ	
Tổng cộng			**67**		**384.000.000**			
(Bằng chữ: Ba trăm tám mươi tư triệu đồng chẵn)								

PHỤ LỤC 9

Danh mục tài sản bán đấu giá tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính tịch thu theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 00010014/QĐ-XPHC

(Kèm theo Thông báo số 59 /TB-TTTN ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước)

STT	Tài sản/ chủng loại	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Nguồn gốc, xuất xứ	Chủng loại	Tình trạng hàng hóa
1	Động cơ máy nổ	cái	1	5.900.000	5.900.000	không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Không nhãn hiệu, model 3D72-2B087907937, không rõ nguồn gốc, xuất xứ.	Đã qua sử dụng, không rõ chất lượng
2	Động cơ máy nổ	cái	1	5.900.000	5.900.000	không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Không nhãn hiệu, model 3TN82-RA2C1, không rõ nguồn gốc, xuất xứ.	Đã qua sử dụng, không rõ chất lượng
3	Động cơ máy nổ	cái	1	5.900.000	5.900.000	không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Không nhãn hiệu, model 3TN84L-RHK, không rõ nguồn gốc, xuất xứ.	Đã qua sử dụng, không rõ chất lượng
4	Động cơ máy nổ	cái	1	5.900.000	5.900.000	không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Không nhãn hiệu, model 3TN84-RA2C1, không rõ nguồn gốc, xuất xứ.	Đã qua sử dụng, không rõ chất lượng
5	Động cơ máy nổ	cái	1	5.900.000	5.900.000	không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Không nhãn hiệu, model 3TNA72-U2C, không rõ nguồn gốc, xuất xứ.	Đã qua sử dụng, không rõ chất lượng
6	Động cơ máy nổ	cái	1	5.900.000	5.900.000	không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Không nhãn hiệu, model 3TNA72-UN2, không rõ nguồn gốc, xuất xứ.	Đã qua sử dụng, không rõ chất lượng
7	Động cơ máy nổ	cái	1	5.900.000	5.900.000	không rõ nguồn	Không nhãn hiệu, model 3TNC80L-RFW,	Đã qua sử dụng,

						gốc, xuất xứ	không rõ nguồn gốc, xuất xứ.	không rõ chất lượng
8	Động cơ máy nổ	cái	1	5.900.000	5.900.000	không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Không nhãn hiệu, model 3TNE68-UGV, không rõ nguồn gốc, xuất xứ.	Đã qua sử dụng, không rõ chất lượng
9	Động cơ máy nổ	cái	1	5.900.000	5.900.000	không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Không nhãn hiệu, model 3TNE74-OA2C, không rõ nguồn gốc, xuất xứ.	Đã qua sử dụng, không rõ chất lượng
10	Động cơ máy nổ	cái	2	5.900.000	5.900.000	không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Không nhãn hiệu, model 3TNE82A-RA2C, không rõ nguồn gốc, xuất xứ.	Đã qua sử dụng, không rõ chất lượng
11	Động cơ máy nổ	cái	1	5.900.000	5.900.000	không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Không nhãn hiệu, model 3TNE82A-RAC, không rõ nguồn gốc, xuất xứ.	Đã qua sử dụng, không rõ chất lượng
12	Động cơ máy nổ	cái	1	5.900.000	5.900.000	không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Không nhãn hiệu, model 3TNE84-GH1, không rõ nguồn gốc, xuất xứ.	Đã qua sử dụng, không rõ chất lượng
13	Động cơ máy nổ	cái	3	5.900.000	5.900.000	không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Không nhãn hiệu, model 3TNE84-KSS, không rõ nguồn gốc, xuất xứ.	Đã qua sử dụng, không rõ chất lượng
14	Động cơ máy nổ	cái	1	5.900.000	5.900.000	không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Không nhãn hiệu, model 3TNE84-KY, không rõ nguồn gốc, xuất xứ.	Đã qua sử dụng, không rõ chất lượng
15	Động cơ máy nổ	cái	1	5.900.000	5.900.000	không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Không nhãn hiệu, model 3TNV76-U2C, không rõ nguồn gốc, xuất xứ.	Đã qua sử dụng, không rõ chất lượng

16	Động cơ máy nổ	cái	1	5.900.000	5.900.000	không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Không nhãn hiệu, model 3TNV84-RA1C, không rõ nguồn gốc, xuất xứ.	Đã qua sử dụng, không rõ chất lượng
17	Động cơ máy nổ	cái	1	5.900.000	5.900.000	không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Không nhãn hiệu, model 3TNV88-EPHB, không rõ nguồn gốc, xuất xứ.	Đã qua sử dụng, không rõ chất lượng
18	Động cơ máy nổ	cái	1	5.900.000	5.900.000	không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Không nhãn hiệu, model 4T95L-FW, không rõ nguồn gốc, xuất xứ.	Đã qua sử dụng, không rõ chất lượng
19	Động cơ máy nổ	cái	2	5.900.000	5.900.000	không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Không nhãn hiệu, model 4TNA78T-RSS, không rõ nguồn gốc, xuất xứ.	Đã qua sử dụng, không rõ chất lượng
20	Động cơ máy nổ	cái	1	5.900.000	5.900.000	không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Không nhãn hiệu, model 4TNE86-ETK, không rõ nguồn gốc, xuất xứ.	Đã qua sử dụng, không rõ chất lượng
21	Động cơ máy nổ	cái	1	5.900.000	5.900.000	không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Không nhãn hiệu, model 4TNE88-RAC1C, không rõ nguồn gốc, xuất xứ.	Đã qua sử dụng, không rõ chất lượng
22	Động cơ máy nổ	cái	1	5.900.000	5.900.000	không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Không nhãn hiệu, model 4TNE88-RZ3C, không rõ nguồn gốc, xuất xứ.	Đã qua sử dụng, không rõ chất lượng
23	Động cơ máy nổ	cái	1	5.900.000	5.900.000	không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Không nhãn hiệu, model 4TNV88-SMR, không rõ nguồn gốc, xuất xứ.	Đã qua sử dụng, không rõ chất lượng
24	Động cơ máy nổ	cái	1	5.900.000	5.900.000	không rõ nguồn gốc,	Không nhãn hiệu, model C4221, không rõ nguồn gốc, xuất	Đã qua sử dụng, không

						xuất xứ	xứ.	rõ chất lượng
25	Động cơ máy nổ	cái	1	5.900.000	5.900.000	không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Không nhãn hiệu, model GS-91, SA-E4CGV, không rõ nguồn gốc, xuất xứ.	Đã qua sử dụng, không rõ chất lượng
26	Động cơ máy nổ	cái	1	5.900.000	5.900.000	không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Không nhãn hiệu, model K3E-50845, không rõ nguồn gốc, xuất xứ.	Đã qua sử dụng, không rõ chất lượng
27	Động cơ máy nổ	cái	1	5.900.000	5.900.000	không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Không nhãn hiệu, model L2E-11231, không rõ nguồn gốc, xuất xứ.	Đã qua sử dụng, không rõ chất lượng
28	Động cơ máy nổ	cái	1	5.900.000	5.900.000	không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Không nhãn hiệu, model N844L-1-5002, không rõ nguồn gốc, xuất xứ.	Đã qua sử dụng, không rõ chất lượng
29	Động cơ máy nổ	cái	1	5.900.000	5.900.000	không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Không nhãn hiệu, model 3TNE84-GH, không rõ nguồn gốc, xuất xứ.	Đã qua sử dụng, không rõ chất lượng
30	Động cơ máy nổ	cái	1	5.900.000	5.900.000	không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Không nhãn hiệu, model TR1501, không rõ nguồn gốc, xuất xứ.	Đã qua sử dụng, không rõ chất lượng
31	Động cơ máy nổ	cái	5	5.900.000	5.900.000	không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Không nhãn hiệu, không model, không rõ nguồn gốc, xuất xứ.	Đã qua sử dụng, không rõ chất lượng
	Tổng		**39**		**230.100.000**			
Bằng chữ: Hai trăm ba mươi triệu một trăm nghìn đồng chẵn								

PHỤ LỤC 10

Danh mục tài sản bán đấu giá tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính tịch thu theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 00010037/QĐ-XPHC

(Kèm theo Thông báo số 59 /TB-TTTN ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước)

STT	Tài sản/ chủng loại	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Nguồn gốc, xuất xứ	Chủng loại	Tình trạng hàng hóa
1	Động cơ máy nổ	Cái	1	10.500.000	10.500.000	Xuất xứ Thái Lan	Nhãn hiệu KUBOTA, model V2403-T, số máy BGA4793	Đã qua sử dụng, không rõ chất lượng
2	Động cơ máy nổ	Cái	1	10.500.000	10.500.000		Nhãn hiệu KUBOTA, model V2403-T, số máy BGL3409	
3	Động cơ máy nổ	Cái	1	10.500.000	10.500.000		Nhãn hiệu KUBOTA, model V2403-T, số máy BGC0075	
4	Động cơ máy nổ	Cái	1	10.500.000	10.500.000	Xuất xứ Thái Lan	Nhãn hiệu KUBOTA, model V2403-T, số máy BDC2423	Đã qua sử dụng, không rõ chất lượng
5	Động cơ máy nổ	Cái	1	10.500.000	10.500.000		Nhãn hiệu KUBOTA, model V2403-T, số máy	

							BHE4877	
6	Động cơ máy nổ	Cái	2	4.600.000	9.200.000	Không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Không nhãn hiệu	Đã qua sử dụng, không rõ chất lượng
7	Động cơ máy nổ	Cái	4	3.000.000	12.000.000		Không nhãn hiệu	
8	Dàn xới	Cái	30	5.500.000	165.000.000		Không nhãn hiệu	
Tổng cộng			**41**		**238.700.000**			
(Bằng chữ: Hai trăm ba mươi tám triệu bảy trăm nghìn đồng chẵn)								